

Số: 74/TB- UBND

Phượng Tiến, ngày 23 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phượng Tiến

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30 tháng 03 năm 2026 của HĐND xã Phượng Tiến về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phượng Tiến;

Cứ Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2026 của UBND xã về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phượng Tiến;

Ủy ban Nhân dân xã Phượng Tiến thông báo đến Đảng ủy - HĐND - Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách xã Phượng Tiến năm 2025 bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc và Trung tâm phục vụ hành chính công xã .và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://phuongtien.thainguyen.gov.vn> chuyên mục Công khai ngân sách.

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ 7 giờ 30 phút ngày 23 tháng 04 năm 2026 đến 7 giờ 30 phút ngày ngày 23 tháng 05 năm 2026 (30 ngày liên tục).

2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phượng Tiến để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công bố công khai

quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phương Tiến. UBND xã thông báo đến các cơ quan, đơn vị và các tổ chức cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- UB MTTQ Việt Nam xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- 27 ông, bà trưởng xóm;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

Số: 247/QĐ-UBND

Phượng Tiến, ngày 23 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phượng Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỢNG TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/03/2026 của HĐND xã Phượng Tiến về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2025 xã Phượng Tiến;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Phượng Tiến.

(Có các biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phượng Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	113.310,00	157.354,17	44.044,17	138,87
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		101,43	101,43	
-	Thu NSDP hưởng 100%		101,43	101,43	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia		-	-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	113.310,00	153.606,32	40.296,32	135,56
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	15.183,00	15.183,00	-	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	98.127,00	138.423,32	40.296,32	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư		757,32		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.889,10		
VI	Thu quản lý qua ngân sách				
VII	Thu nộp ngân sách cấp trên				
B	TỔNG CHI NSDP	113.310,00	154.507,67	41.197,67	136,36
I	Tổng chi cân đối NSDP	113.310,00	143.085,11	29.775,11	126,28
1	Chi đầu tư phát triển	18.054,00	20.375,17	2.321,17	112,86
2	Chi thường xuyên	95.255,73	122.709,94	27.454,21	128,82
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	0,266			-
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	-	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		11.422,56		
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên				
V	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP	-	2.846,50		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI N NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phượng Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3
	NGÂN SÁCH CẤP XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	113.310,00	157.354,17	138,87
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	-	101,43	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	113.310,00	153.606,32	135,56
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	15.183,00	15.183,00	100,00
-	Thu bổ sung có mục tiêu	98.127,00	138.423,32	
3	Thu kết dư		757,32	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.889,10	
5	Thu quản lý qua ngân sách			
II	Chi ngân sách	113.310,00	154.507,67	136,36
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện (xã)	113.310,00	143.085,11	126,28
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		11.422,56	
4	Chi nộp ngân sách cấp trên			
III	Kết dư	-	2.846,50	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phương Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	118.135,00	113.310,00	165.908,060	157.354,173	140,439	
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	4.825,00	-	8.655,317	101,431	179,385	
I	Thu nội địa	4.825,00	-	8.655,317	101,431	179,385	
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	9,00		14,515		161,279	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	1.446,00		3.164,776	-	218,864	
	- Thuế giá trị gia tăng			2.511,946			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			12,361			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên			640,469			
5	Thuế thu nhập cá nhân	289,00		462,311		159,969	
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	1.150,00		2.819,497		245,174	
8	Thu phí, lệ phí	434,00		488,708		112,606	
-	Phí và lệ phí trung ương			144,612			
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí huyện						
-	Phí và lệ phí xã, phường			344,096			
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18,00		56,188		312,156	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5,00		0,641		12,829	
12	Thu tiền sử dụng đất	1.242,00		1.296,463		104,385	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	150,00		184,528		123,019	
16	Thu khác ngân sách	82,00		167,689	101,431	204,499	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			757,323	757,323		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			2.889,100	2.889,100		
E	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN						
F	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	113.310,00	113.310,000	153.606,320	153.606,320	135,563	135,563
G	THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phụng Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	113.310,00	154.507,67	136,36
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	113.310,00	143.085,11	126,28
I	Chi đầu tư phát triển	18.054,00	20.375,17	112,86
1	Chi đầu tư cho các dự án	18.054,00	20.375,17	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi quốc phòng			
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề		950,51	
-	Chi Khoa học và công nghệ			
-	Chi Y tế, dân số và gia đình			
-	Chi Văn hóa thông tin			
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn			
-	Chi Thể dục thể thao			
-	Chi Bảo vệ môi trường			
-	Chi các hoạt động kinh tế		17.972,18	
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1.180,88	
-	Chi Bảo đảm xã hội		271,60	
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	95.255,73	122.709,94	128,82
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	59.868,00	61.282,09	102,36
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	0,2660		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		11.422,56	
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			
E	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phương Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	113.310,00	154.507,67	41.197,67	136,36
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)			-	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	113.310,00	143.085,11	29.775,11	126,28
I	Chi đầu tư phát triển	18.054,00	20.375,17	2.321,17	112,86
1	Chi đầu tư cho các dự án	18.054,00	20.375,17		
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
-	<i>Chi quốc phòng</i>				
-	<i>Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội</i>				
-	<i>Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>		950,51		
-	<i>Chi Khoa học và công nghệ</i>				
-	<i>Chi Y tế, dân số và gia đình</i>				
-	<i>Chi Văn hóa thông tin</i>				
-	<i>Chi Phát thanh, truyền hình, thông tin</i>				
-	<i>Chi Thể dục thể thao</i>				
-	<i>Chi Bảo vệ môi trường</i>		17.972,18		
-	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>		1.180,88		
-	<i>Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</i>		271,60		
-	<i>Chi Bảo đảm xã hội</i>				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	95.255,734000	122.709,94	27.454,21	1,28821581
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	59.868,00	61.282,09	1.414,09	102,36
-	Chi Khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng	1.100,90	1.843,75	2.062,68	167,48
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		1.319,82		
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin	10,00	134,24	124,24	1.342,41
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	20,00	20,00	-	100,00
-	Chi thể dục thể thao	41,21	77,50	36,29	188,06
-	Chi bảo vệ môi trường	109,00	109,00	-	100,00
-	Chi các hoạt động kinh tế	1.769,191000	6.477,17	4.707,97	366,11

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29.652,523100	42.783,03	13.130,51	144,28
-	Chi bảo đảm xã hội	2.684,91000	8.663,34	5.978,43	322,67
-	Chi thường xuyên khác				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	0,266			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU		11.422,56		
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phước Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung (1)	Dự toán năm	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	113.310,0		113.310,0	154.507,67		154.507,67	136,36		136,36
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	113.310,0		113.310,0	143.085,11		143.085,11	126,28		126,28
I	Chi đầu tư phát triển	18.054,0		18.054,0	20.375,17		20.375,17	112,86		112,86
1	Chi đầu tư cho các dự án	18.054,0		18.054,0	20.375,17		20.375,17	112,86		112,86
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				-					
-	<i>Chi quốc phòng</i>				-					
-	<i>Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội</i>				-					
-	<i>Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>				950,51		950,51			
-	<i>Chi Khoa học và công nghệ</i>				-					
-	<i>Chi Y tế, dân số và gia đình</i>				-					
-	<i>Chi Văn hóa thông tin</i>				-					
-	<i>Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>				-					
-	<i>Chi Thể dục thể thao</i>				-					
-	<i>Chi Bảo vệ môi trường</i>				-					
-	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>				17.972,18		17.972,18			
-	<i>Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</i>				1.180,88		1.180,88			
-	<i>Chi Bảo đảm xã hội</i>				271,60		271,60			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-			-					
3	Chi đầu tư phát triển khác	-			-					
II	Chi thường xuyên	95.255,7340		95.255,734	122.709,94		122.709,94	128,82		129
	<i>Trong đó:</i>				-					
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	59.868,0		59.868,00	61.282,09		61.282,09	102,36		102,36

ST T	Nội dung (1)	Dự toán năm	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
2	Chi khoa học và công nghệ	-			-					
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-			-					
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-			-					
V	Dự phòng ngân sách	0,266		0,266	-					
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-			-					
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-			-					
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc	-			-					
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-			-					
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-			11.422,56		11.422,56			
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-								
E	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-			-					

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phước Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	ĐƯ TOÁN				QUYẾT TOÁN						SO SÁNH (%)			
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG	CHI THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN, KẾT DƯ SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=5/1	13=6/2	14=7/4
	TỔNG SỐ	144.982,647	5.274,46	15.705,68	124.002,512	143.085,110	4.963	116.655,86	21.466,71	15.642,63	5.824,08	1.897,54	99%	94%	94%
1	Trường mầm non Tân Thịnh	8.258,05			8.258,047	8.258,047		8.258,05				0,00	100%		100%
2	Trường mầm non Tân Dương	4.580,28			4.580,281	4.579,710		4.579,71				0,57	100%		100%
3	Trường mầm non Phước Tiến	6.517,49			6.517,490	6.485,685		6.485,68				31,81	100%		100%
4	Trường tiểu học Tân Thịnh	10.121,35			10.121,351	10.113,777		10.113,78				7,57	100%		100%
5	Trường tiểu học Tân Dương	7.109,47			7.109,473	7.092,860		7.092,86				16,61	100%		100%
6	Trường tiểu học Phước Tiến	8.925,64			8.925,640	8.915,842		8.915,84				9,80	100%		100%
7	Trường THCS Tân Dương	4.244,86			4.244,857	4.236,883		4.236,88				7,97	100%		100%
8	Trường THCS Tân Thịnh	6.922,38			6.922,377	6.915,377		6.915,38				7,00	100%		100%
9	Trường THCS Phước Tiến	4.703,34			4.703,337	4.683,909		4.683,91				19,43	100%		100%
10	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.472,43			1.472,428	1.472,255		812,43	659,83		659,83	0,17	100%		55%
11	Trung tâm phục vụ hành chính công	745,06			745,060	745,060		745,06				0,00	100%		100%
12	Phòng Văn hóa - Xã hội	27.163,52			27.163,521	26.923,255		26.497,33	425,93		425,93	240,27	99%		98%
13	Phòng Kinh tế xã Phước Tiến	2.288,71			2.288,715	1.969,415		1.868,31	101,11		101,11	319,30	86%		82%
14	Văn phòng HĐND&UBND	46.610,999245	5.274,46	15.705,68	25.630,864	45.377,271	4.962,54	20.134,88	20.279,85	15.642,63	4.637,22	1.233,73	97%		79%
15	Văn phòng Đảng ủy	3.357,19			3.357,192	3.357,192		3.357,19				0,00	100%		100%

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN				QUYẾT TOÁN						CHI CHUYỂN NGUỒN, KẾT DƯ SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG	CHI THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG				TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN
									TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN				
16	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.961,88			1.961,881	1.958,574		1.958,57				3,31	100%		100%



QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phước Tiến)

Biểu mẫu số 56

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	So sánh (%)
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác			
A	B	1=2+3+4	5	6	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22=5/1
	Tổng	124.002,512	122.709,942	61.282,088	1.843,753	1.319,825	134,241	20,000	77,500	109,00	6.477,166	2.854,84	2.809,99	812,336	42.783,034	8.663,336	98,96
	Xã Phước Tiến	124.002,51	122.709,942	61.282,088	1.843,753	1.319,825	134,241	20,000	77,500	109,00	6.477,166	2.854,84	2.809,99	812,336	42.783,034	8.663,336	98,96
	Tổng hợp ngân sách xã	124.002,5	122.709,942	61.282,088	1.843,753	1.319,825	134,241	20,000	77,500	109,00	6.477,166	2.854,84	2.809,99	812,336	42.783,034	8.663,336	98,96
1	Trường mầm non Tân Thịnh huyện Định Hoà	8.258,05	8.258,05	8.258,05													100,00
2	Trường mầm non Tân Dương	4.580,28	4.579,71	4.579,71													99,99
3	Trường mầm non Phước Tiến	6.517,49	6.485,68	6.485,68													99,51
4	Trường tiểu học Tân Thịnh	10.121,35	10.113,78	10.113,78													99,93
5	Trường tiểu học Tân Dương	7.109,47	7.092,86	7.092,86													99,77
6	Trường tiểu học Phước Tiến	8.925,64	8.915,84	8.915,84													99,89
7	Trường THCS Tân Dương	4.244,86	4.236,88	4.236,88													99,81
8	Trường THCS Tân Thịnh	6.922,38	6.915,38	6.915,38													99,90
9	Trường THCS Phước Tiến	4.703,34	4.683,91	4.683,91													99,59
10	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Phước Tiến	1.472,428	1.472,255					20,00	41,21		297,30			297,300	419,898	693,85	99,99

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	So sánh (%)
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác			
11	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Phượng Tiến	745,060	745,060												745,060		100,00
12	Phòng Văn hóa - Xã hội xã Phượng Tiến	27.163,521	26.923,255				20,00								20.568,208	6.335,048	99,12
13	Phòng Kinh tế xã Phượng Tiến	2.288,715	1.969,415							109,00	122,48	242,00	98,28		899,490	838,442	86,05
14	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến	25.630,864	25.002,104		1.843,75	1.319,82	114,24		36.290.100		6.057,38	2.830,64	2.712	515	14.834,612	796,000	97,55
15	Văn phòng Đảng ủy xã Phượng Tiến	3.357,192	3.357,192												3.357,192		100,00
16	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Phượng Tiến	1.961,881	1.958,574												1.958,57		99,83

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phương Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6=1-5	7	8
	TỔNG SỐ	124.002,51	75.168,00	48.834,51	-	122.709,94	1.292,57	21,2	1.271,4
1	Trường mầm non Tân Thịnh	8.258,05	6.431,00	1.827,05		8.258,05	0,00		0,0
2	Trường mầm non Tân Dương	4.580,28	4.134,00	446,28		4.579,71	0,57		0,6
3	Trường mầm non Phương Tiến	6.517,49	6.077,00	440,49		6.485,68	31,81		31,8
4	Trường tiểu học Tân Thịnh	10.121,35	9.299,00	822,35		10.113,78	7,57		7,6
5	Trường tiểu học Tân Dương	7.109,47	6.618,00	491,47		7.092,86	16,61		16,6
6	Trường tiểu học Phương Tiến	8.925,64	6.130,00	2.795,64		8.915,84	9,80		9,8
7	Trường THCS Tân Dương	4.244,86	3.524,00	720,86		4.236,88	7,97		8,0
8	Trường THCS Tân Thịnh	6.922,38	5.427,00	1.495,38		6.915,38	7,00		7,0
9	Trường THCS Phương Tiến	4.703,34	3.789,00	914,34		4.683,91	19,43		19,4
10	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.472,43	280,21	1.192,22		1.472,25	0,17		0,2
11	Trung tâm phục vụ hành chính công	745,06	532,00	213,06		745,06	-		-
12	Phòng Văn hóa - Xã hội	27.163,52	590,68	26.572,84		26.923,26	240,27		240,3
13	Phòng Kinh tế xã Phương Tiến	2.288,71	1.687,00	601,71		1.969,41	319,30		319,3
14	Văn phòng HĐND&UBND	25.630,86	16.284,23	9.346,63		25.002,10	628,76	21,2	607,6

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
15	Văn phòng Đảng ủy	3.357,19	2.674,37	682,82		3.357,19	0,00		0,0
16	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1.961,88	1.690,51	271,37		1.958,57	3,31		3,3



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG ĐỊA BÀN NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phước Tiến)

Mẫu biểu số 58/NĐ31

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán								Trong đó Quyết toán								So sánh					
		Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên				Chi CTMTQG				Chi nộp trả ngân sách cấp trên	Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG				
		Tổng số Dự toán	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số Quyết toán	Trong đó									Trong đó			
			Tổng số	Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Tổng số		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển							Chi thường xuyên			
A	B	1	3	5	6	8	9	10	11	12	13	15	16	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8	
	Tổng	113.310,0	5.304,000	551,000	91.615,68	59.868,000	16.390,320	12.980,000	3.410,320	154.507,669	4.962,54	501,51	116.655,86	612.820,88	21.466,71	15.642,63	5.824,08		11.422,56	98,96	93,56	127,3317643	130,9718668
1	Xã Phước Tiến	113.310,00	5.304,000	551,000	91.615,680	59.868,000	16.390,320	12.980,000	3.410,320	154.507,669	4.962,54	501,51	116.655,86	612.820,88	21.466,71	15.642,63	5.824,08		11.422,56	98,96	93,56	127,3317643	130,9718668



QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phước Tiến)

Biểu mẫu số 59

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán								Quyết toán								So sách (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ	113.310,0	15.183,0	98.127,0	-	98.127,0				153.606,3	15.183,0	138.423,3	-	138.423,32				135,6	100,0	141,1		141,1			
1	Xã Phước Tiến	113.310,0	15.183,0	98.127,0		98.127,0				153.606,3	15.183,0	138.423,3		138.423,32				135,6	100,0	141,1		141,1			

TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phượng Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên Quỹ	Dự nguồn đến ngày 31/12/2024 (năm trước)	Kế hoạch năm 2025				Thực hiện năm 2025				Dự nguồn đến 31/12/2025
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ phòng chống thiên tai					-	11,3592640		9,1595260		2,1997380
2	Quỹ chăm sóc người cao tuổi	10,4455000				-	9,8000000				0,6455000
3	Quỹ Nhân Đạo	53,6800000				-	25,7000000				27,9800000
4	Quỹ Vì hạnh phúc người mù	37,4450000				-	4,4000000				33,0450000
5	Quỹ vì người nghèo	185,3285000	239,9200000	239,9200000		239,9200000	279,0470450				146,2014550
6	Quỹ Da Cam	39,2960000				-	30,0400000				9,2560000
7	Quỹ vì trẻ thơ	29,5552000	-		-	-	26,7400000				2,8152000
8	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	85,6273000	71,7365260	71,7365260		71,7365260	60,2300000				97,1338260
	TỔNG CỘNG	441,37750	311,657	311,657		311,65653	447,316309		9,15953	-	319,2767190

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2024

(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 23/04/2026 của UBND xã Phượng Tiến)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	251,86	251,86	100,00
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	251,86	251,86	100,00
1.1	Sự nghiệp giáo dục	251,86	251,86	100,00
	<i>Trường MN Phượng Tiến</i>	<i>0,38</i>	<i>0,38</i>	
	<i>Trường MN Tân Dương</i>	<i>69,54</i>	<i>69,54</i>	
	<i>Trường MN Tân Thịnh</i>	<i>0,25</i>	<i>0,25</i>	
	<i>Trường THCS Phượng Tiến</i>	<i>9,70</i>	<i>9,70</i>	
	<i>Trường THCS Tân Thịnh</i>	<i>171,99</i>	<i>171,99</i>	

THUYẾT MINH

Quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 274/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND xã Phụng Tiến)

Căn cứ số liệu thực hiện thu chi ngân sách năm 2025, UBND xã thuyết minh số liệu quyết toán thu chi ngân sách xã Phụng Tiến năm 2025 như sau:

I. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn xã Phụng Tiến đạt 8.655.317.214 đồng, bằng 179,38% kế hoạch HĐND xã giao (4.825.000.000 đồng), vượt 3.830.317.214 đồng so với kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý: 14.515.109đ/ 9.000.000đ, đạt 161,28% KH
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 3.164.776.354đ/1.446.000.000đ, đạt 218,86% KH.
- Lệ phí trước bạ: 2.819.497.231đ/1.150.000.000đ, đạt 245,17% KH.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 56.188.026đ/18.000.000đ, đạt 312,16% KH.
- Thuế thu nhập cá nhân: 462.311.139đ/289.000.000đ, đạt 159,97% KH.
- Phí, lệ phí: 488.708.356đ/434.000.000đ, đạt 112,61% KH.
- Thu tiền sử dụng đất: 1.296.462.600đ/1.242.000.000đ, đạt 104,39% KH.
- Thu tiền thuê đất: 641.464đ/5.000.000 đ, đạt 12,83% KH.
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 184.527.857đ/150.000.000đ, đạt 123,02% KH.
- Thu khác ngân sách: 167.689.078đ/82.000.000đ, đạt 204,50% KH.

2. Thu ngân sách địa phương:

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 là: 157.354.173.135 đ, cụ thể:
- Thu khác ngân sách (hưởng theo phân cấp): 101.430.834 đ.
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 153.606.319.962đ. Trong đó:
 - + Thu bổ sung cân đối: 15.183.000.000đ.
 - + Thu bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước : 138.423.319.962đ.
 - Thu từ nguồn chuyển nguồn ngân sách năm 2024 sang năm 2025: 2.889.099.599đ.
 - Thu kết dư ngân sách: 757.322.740đ.

II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Tổng chi NSNN trên địa bàn 154.507.668.592đ/145.784.187.962đ, đạt 106,57% kế hoạch HĐND xã giao, gồm:

1. Chi đầu tư phát triển

Thực hiện: 20.375.167.492đ / 20.980.135.125đ, đạt 97,12% KH. Trong đó:

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.179.848.197đ/1.403.459.000đ đạt 84,07% KH.

- Chi từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 3.010.692.000đ/3.099.000.000 đ, đạt 97,15% KH.

- Chi từ nguồn đầu tư khác: 772.000.000đ/772.000.000đ đạt 100% KH.

- Chi từ nguồn chương trình MTQG: 15.412.627.295đ/15.705.676.125đ đạt 98,13% KH.

2. Chi thường xuyên

Thực hiện 122.709.942.494đ/124.002.511.837 đ, đạt 98,96% KH.

3. Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025

Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 thực hiện: 11.422.558.606đ. Trong đó:

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSNN năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 (*Chưa thực hiện chi trong năm 2025*): 19.540.958 đồng.

- Nguồn tăng thu NSNN năm 2025: 19.430.834 đồng.

- Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025: 12.500.814 đồng.

- Nguồn kinh phí cấp sau ngày 30 tháng 09 chưa thực hiện phân bổ: 11.300.000.000 đồng.

- Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu (CTMT) quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền: 21.160.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện CTMT quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền: 49.926.000 đồng.

4. Kết dư ngân sách năm 2025: 2.846.504.543 đồng, trong đó:

- Nguồn dự phòng ngân sách xã: 52.626.404 đ.

- Nguồn tiền đất: 1.782.318.139 đ.

- Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội tăng thêm do địa phương đảm bảo: 471.000.000 đ.

- Nguồn thực hiện các nhiệm vụ chính trị phát sinh: 540.560.000đ

II. Đánh giá công tác thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

Năm 2025 là năm đầu thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Công tác thu chi ngân sách phường năm 2025 xã Phương Tiến luôn nhận được sự chỉ đạo điều hành kịp thời của Đảng ủy, HĐND, UBND phường. Các hoạt động thu, chi ngân sách đảm bảo đúng các quy định của Luật ngân sách, các văn bản hướng dẫn thi hành.

1. Về công tác thu ngân sách

Công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt kết quả tích cực, các chỉ tiêu thu đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao. Tổng thu

NSNN đạt 179,38% kế hoạch năm, thể hiện sự nỗ lực của cơ quan thu, chính quyền địa phương và sự đóng góp tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân.

Các khoản thu chủ yếu như thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thu cấp quyền khai thác khoáng sản... đều tăng cao so với kế hoạch, góp phần quan trọng vào kết quả chung. Điều này cho thấy hiệu quả trong công tác quản lý nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường kiểm tra, chống thất thu và khai thác tốt các nguồn thu tiềm năng.

Tuy nhiên, vẫn còn chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đó là thu tiền thuê đất, do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn gặp khó khăn, tiến độ thu tiền thuê đất còn chậm và công tác khai thác quỹ đất chưa đạt hiệu quả cao.

Nhìn chung, công tác thu NSNN năm 2025 được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt kế hoạch được giao, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh và đầu tư hạ tầng của địa phương.

2. Về chi ngân sách

Công tác chi ngân sách nhà nước năm 2025 của xã Phụng Tiến được triển khai theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng chế độ.

Tổng chi NSNN đạt 106,57% kế hoạch năm, cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi dự phòng và các chương trình mục tiêu trên địa bàn.

Trong năm, chi thường xuyên được quản lý chặt chẽ, phân bổ hợp lý, đảm bảo hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền, các đơn vị sự nghiệp, công tác giáo dục, y tế, an sinh xã hội, quốc phòng – an ninh.

Chi đầu tư phát triển tập trung vào các công trình hạ tầng trọng điểm, nhất là lĩnh vực giao thông nông thôn, trường học, các công trình dân sinh thiết yếu, góp phần cải thiện diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân.

Chi các chương trình mục tiêu được triển khai đúng hướng, đảm bảo tiến độ, phù hợp mục tiêu của từng chương trình.

Chi dự phòng ngân sách được sử dụng đúng quy định, kịp thời hỗ trợ khắc phục các thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn

Công tác thu chi NSNN năm 2025 của xã Phụng Tiến được triển khai hiệu quả, đúng quy định, hoàn thành tốt nhiệm vụ tài chính, ngân sách được giao.